



ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ  
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ VẠN PHÚC

**SÁNG KIẾN KINH NGHIỆM**

**RÈN KĨ NĂNG LÀM BÀI PHẦN  
ĐỌC - HIỂU NGỮ LIỆU NGOÀI VĂN BẢN  
CHO HỌC SINH LỚP 9**

Lĩnh vực/ Môn: **Ngữ văn**

Cấp học: **THCS**

Tên tác giả : **Lã Thúy Hạnh**

Đơn vị công tác: **Trường THCS Vạn Phúc**

Chức vụ: **Giáo viên**

**Năm học: 2020- 2021**

## PHẦN A: DẶT VẤN ĐỀ

### I. Lí do chọn đề tài

Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã từng cho rằng: “Văn học, một hình thái ý thức đặc biệt của xã hội, là nghệ thuật vận dụng ngôn ngữ một cách tài tình và sáng tạo để nhận thức và phản ánh đời sống xã hội, để biểu hiện tâm tư con người. Văn học đã trở thành công cụ để giáo dục con người, cải tạo xã hội rất mạnh mẽ, nó là thứ vũ khí tư tưởng rất sắc bén có tác dụng to lớn, sâu rộng và bền bỉ mà lịch sử loài người từ trước đến nay đã xác nhận”. Môn văn ngoài “dạy sống, dạy người, dạy mở mang trí tuệ”, còn có nhiệm vụ cung cấp cho học sinh những hiểu biết một cách có hệ thống về tri thức văn học. Đây là những tri thức khái quát rất quan trọng bởi lẽ dạy văn không chỉ dừng lại ở chỗ giúp người học cảm thụ được vẻ đẹp của từng tác phẩm văn chương cụ thể, mặt khác ***góp phần trang bị cho các em những kiến thức công cụ để có thể tự mình tiếp nhận văn học một cách có lý luận, tiếp nhận văn học một cách văn học.*** Dạy học không phải là rót kiến thức vào cái bình chứa, hay nhồi nhét cho HS một mớ kiến thức hỗn độn mà điều quan trọng là phải làm sao trang bị cho các em phương pháp nghiên cứu, học tập, phương pháp giải quyết các vấn đề. Để đọc hiểu tác phẩm văn chương, đòi hỏi ở người đọc không chỉ là trực cảm thẩm mỹ, thưởng thức rung cảm mà còn ở khả năng phân tích, lí giải, đánh giá qua hệ thống ngôn ngữ. Trong dạy học tác phẩm, không thể đối lập giữa cảm và hiểu, giữa khả năng cảm thụ thẩm mỹ và tri thức lí luận văn học.

Muốn vậy, “không thể không vũ trang cho HS một vốn liếng lí luận cần thiết”. Tri thức lí luận văn học ***là tri thức công cụ, tri thức phương pháp, là kiến thức siêu kiến thức, giúp cho việc đọc văn có phương pháp, phù hợp với bản chất đặc trưng của văn học, đồng thời giúp phân tích, lí giải tác phẩm văn chương một cách đầy đủ và sâu sắc.*** Nếu không, những kiến thức mà học sinh có được cũng chỉ là những kiến thức vụn vặt, cảm tính, mang tính tư liệu. Mục đích cuối cùng và cao nhất của dạy học trong Nhà trường hiện đại là phát triển năng lực người học một cách toàn diện. Mục đích của dạy đọc hiểu văn bản là rèn luyện và phát triển khả năng tự học, tự đọc và tạo lập văn bản ở các em.

Để làm được điều đó, tôi đã mạnh dạn nghiên cứu các biện pháp để ***“Rèn kỹ năng làm bài phần đọc hiểu ngữ liệu ngoài văn bản cho học sinh lớp 9”***

### II. Giới hạn đề tài:

Trong sáng kiến này tôi chỉ đề cập đến một số giải pháp giúp học sinh khai thác ngữ liệu ngoài văn bản mà tôi đã áp dụng cho học sinh 9 với một số dạng câu hỏi cụ thể

### III. Mục đích nghiên cứu:

Với vai trò nghề giáo tôi luôn tâm niệm làm sao cho các em học sinh hiểu bài và làm bài nhanh nhất, tốt nhất. Học sinh có kỹ năng học và ôn thi được vào phổ thông trung học là điều tôi mong muốn, hi vọng.

### IV. Đối tượng nghiên cứu

Học sinh lớp 9 trường Trung học cơ sở khi đọc hiểu văn bản ngoài chương trình.

## **PHẦN B: GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ**

### **I. Cơ sở lí luận:**

Đọc - hiểu là một năng lực tiếp nhận văn bản, thông qua hoạt động của con người đọc chữ, xem các kí hiệu bảng biểu, hình ảnh trong nhiều loại văn bản khác nhau, nhằm xử lí thông tin trong văn bản để phục vụ những mục đích cụ thể trong học tập hoặc giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn của cuộc sống.

Đọc hiểu là hoạt động cơ bản của con người để chiếm lĩnh văn hóa. Khái niệm đọc hiểu (comprehension reading) có nội hàm khoa học phong phú có nhiều cấp độ gắn liền với lí luận dạy học văn, lí thuyết tiếp nhận tâm lí học nghệ thuật, lí thuyết giao tiếp thi pháp học, tương giải học văn bản học ...

Đọc là một hoạt động của con người, dùng mắt để nhận biết các kí hiệu và chữ viết, dùng trí óc để tư duy và lưu giữ những nội dung mà mình đã đọc và sử dụng bộ máy phát âm phát ra âm thanh nhằm truyền đạt đến người nghe.

Hiểu là phát hiện và nắm vững mối liên hệ của sự vật, hiện tượng, đối tượng nào đó và ý nghĩa của mối quan hệ đó. Hiểu còn là sự bao quát hết nội dung và có thể vận dụng vào đời sống. Hiểu là phải trả lời được các câu hỏi Cái gì? Như thế nào? Làm thế nào?

Đọc hiểu là đọc kết hợp với sự hình thành năng lực giải thích, phân tích, khái quát, biện luận đúng- sai về logic, nghĩa là kết hợp với năng lực, tư duy và biểu đạt. Mục đích trong tác phẩm văn chương, đọc hiểu là phải thấy được: Nội dung của văn bản; mối quan hệ ý nghĩa của văn bản do tác giả tổ chức và xây dựng; ý đồ, mục đích.

Thấy được tư tưởng của tác giả gửi gắm trong tác phẩm; giá trị đặc sắc của các yếu tố nghệ thuật; ý nghĩa của từ ngữ được dùng trong cấu trúc văn bản; thể loại của văn bản, hình tượng nghệ thuật...

Như vậy, đọc hiểu là hoạt động đọc và giải mã các tầng ý nghĩa của văn bản thông qua khả năng tiếp nhận của học sinh. Đọc hiểu là tiếp xúc với văn bản, hiểu được nghĩa hiển ngôn, nghĩa hàm ẩn, các biện pháp nghệ thuật, thông hiểu các thông điệp tư tưởng, tình cảm của người viết và giá trị tự thân của hình tượng nghệ thuật.

Với quan điểm phát huy vai trò chủ thể của học sinh, xuất phát từ đặc thù của văn chương (nghệ thuật ngôn từ), mà vấn đề đọc hiểu văn bản ngày càng được quan tâm.

### **II. Cơ sở thực tiễn**

Như trong phần đặt vấn đề đã nói: *dạng bài đọc hiểu một tác phẩm ngoài chương trình* là một trong những nội dung khá mới song rất quan trọng và có ý nghĩa đối với học sinh. Trên thực tế, việc dạy văn và học văn chưa thực sự đạt được hiệu quả như mong muốn. Thực tế giảng dạy và ôn tập chưa làm cho học sinh hứng thú khi học bộ môn này. Nhất là đối với các em học sinh lớp 9 - áp lực thi cử khiến các em nhiều khi mệt mỏi. Cùng với đó, cách dạy biến học sinh trong quá trình ôn tập diễn ra một cách thụ động với học sinh qua công thức: *Nghe- chép- học thuộc- tái hiện* những gì thầy cô đã dạy. Chính vì lẽ đó, học sinh bị chai sạn cảm xúc, không có tâm thế và hứng thú tìm hiểu, khai thác, chiếm lĩnh bộ môn vốn dĩ cực kỳ giàu chất ngôn ngữ và nhân văn này. Tất cả các bài học, thông điệp, nội dung tư tưởng, cái hay, cái đẹp của tác phẩm đã phần nào bị chìm lấp bởi các thao tác lặp đi lặp lại đến nhàm chán đó. Tác phẩm trong chương trình đã vậy, ngoài chương trình hay chưa lần nào bắt gặp các em còn sợ hơn, lung túng hơn. Tuy hiện tượng này không phải là tất cả nhưng rất phổ biến.

Đối với học sinh khối 9 trường THCS Vạn Phúc cũng không phải là ngoại lệ. Mặc dù đa phần các em ngoan ngoãn, có ý thức song vẫn không tránh khỏi tình trạng như tôi vừa nêu trên, nhất là qua kì thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT 2019 – 2020, lần đầu tiên trong đề thi có kiểu bài *dạng bài đọc hiểu một tác phẩm ngoài chương trình- ngữ liệu trong bài tiếng Việt* nên các em đã tỏ ra khá lúng túng. Năng lực cảm thụ, năng lực đọc hiểu văn bản của học sinh còn rất hạn chế.

Do không có năng lực đọc hiểu, nên khi tiếp cận với một văn bản mới ngoài và sách giáo khoa sẽ mất rất nhiều thời gian để đọc hiểu văn bản, dẫn đến không còn đủ thời gian để làm các phần còn lại. Điều đó ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả làm bài của các em.

Những học sinh trung bình và yếu, lười học, lười đọc, ngại suy nghĩ, làm việc rập khuôn, khi giao bài tập về nhà thường không tự mình đọc văn bản, suy nghĩ để làm bài mà các em thường tìm kiếm câu trả lời trên mạng, hoặc chép bài của bạn. Chính vì vậy, kĩ năng làm bài của các em rất hạn chế, nhiều em chưa nắm vững kiến thức nên khó vận dụng để làm bài tập, đặc biệt đây lại là một dạng bài tập khó, đòi hỏi sự vận dụng linh hoạt các kiến thức, kĩ năng, phân tích tổng hợp, tư duy...

Với thực trạng như vậy nên khi đến với một dạng bài tập khá mới mẻ và phải phát huy hết khả năng tích cực, chủ động, sáng tạo của bản thân *dạng bài đọc hiểu một tác phẩm ngoài chương trình* thì học sinh hầu hết sẽ thấy bỡ ngỡ và khó khăn. Vấn đề đặt ra với người giáo viên dạy văn là làm gì để khắc phục tình trạng đó? Có một câu nói như thế này: “*Người thầy giáo bình thường chỉ biết nói. Người thầy giáo giỏi biết phân tích. Người thầy giáo xuất sắc biết tạo tình huống. Còn người thầy giáo vĩ đại biết truyền cảm xúc.*” Đúng như vậy, chỉ khi nào giáo viên truyền được cảm xúc tới học sinh, gợi lên trong các em khao khát chiếm lĩnh tác phẩm thì khi đó người giáo viên mới thực sự thành công, trở thành người thầy giáo vĩ đại. Sự “vĩ đại” ở đây

không phải được đo bằng các giải thưởng, bằng khen hay huân chương cao quý mà “vĩ đại”, đơn giản là đã giúp học sinh chạm được đến cái hay, cái đẹp của tác phẩm. Đây là sự vĩ đại khi người thầy có chỗ đứng vững chắc trong tâm hồn, trái tim học trò.

### **III. Nội dung và giải pháp cụ thể**

Từ các nguyên nhân, thực trạng trên, tôi đã cố gắng tìm hiểu cấu trúc, phạm vi, yêu cầu của dạng bài này để giúp các em nắm được. Sau đó, cũng cố lại những kiến thức cần có để thực hiện việc đọc hiểu văn bản. Hướng dẫn các em các bước khi làm dạng bài này. Tìm tòi các bài tập, sắp xếp bài tập theo các mức độ (nhận biết, thông hiểu, vận dụng thấp và vận dụng cao), quy về các dạng bài cụ thể, mỗi mức độ, mỗi dạng bài cụ thể hướng dẫn học sinh cách làm có ví dụ minh họa. Sau mỗi dạng, tôi đưa ra bài tập củng cố để học sinh tự rèn luyện.

#### **1. Giải pháp 1: Khảo sát, phân loại đối tượng**

**1.1. Nội dung:** Để làm được một bài tập đọc- hiểu học sinh phải nắm chắc một số kiến thức nền cơ bản như nghĩa của từ, biện pháp tu từ, phương tiện liên kết, các kiểu đoạn văn... ngoài ra còn phải là độ nhanh nhạy của việc tiếp xúc với câu hỏi. Muốn vậy giáo viên cần khảo sát để phân loại đối tượng, để tùy từng đối tượng xem xét có phương pháp dạy học cụ thể

#### **1.2. Cách tiến hành**

- Khảo sát đầu năm học lớp 9 hoặc có thể cuối năm lớp 8 bằng một đề văn cụ thể

#### **1.3. Minh họa**

*Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi:*

Con ong làm mật, yêu hoa  
 Con cá bơi, yêu nước; con chim ca, yêu trời  
 Con người muốn sống, con ơi!  
 Phải yêu đồng chí, yêu người anh em.

Một ngôi sao chẳng sáng đêm  
 Một thân lúa chín, chẳng nên mùa vàng  
 Một người- đâu phải nhân gian  
 Sống chẳng, một đốm lửa tàn mà thôi!

(Trích Tiếng ru- Tố Hữu.

In trong tập Gió lộng; NXB Văn học- 1961)

Câu 1. Nêu phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ?

Câu 2. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu thơ sau:

“Con ong làm mật, yêu hoa

Con cá bơi, yêu nước; con chim ca, yêu trời”

Câu 3. Tác giả muốn nhắn nhủ điều gì qua câu thơ:

“Con người muốn sống, con ơi!

Phải yêu đồng chí, yêu người anh em.”

Câu 4. Từ đoạn thơ và hiểu biết thực tế em suy nghĩ gì về vấn đề “Mối quan hệ giữa cá nhân và tập thể trong xã hội ngày nay”. Trình bày bằng một đoạn văn khoảng 2/3 trang giấy thi.

#### 1.4. Kết quả thu được:

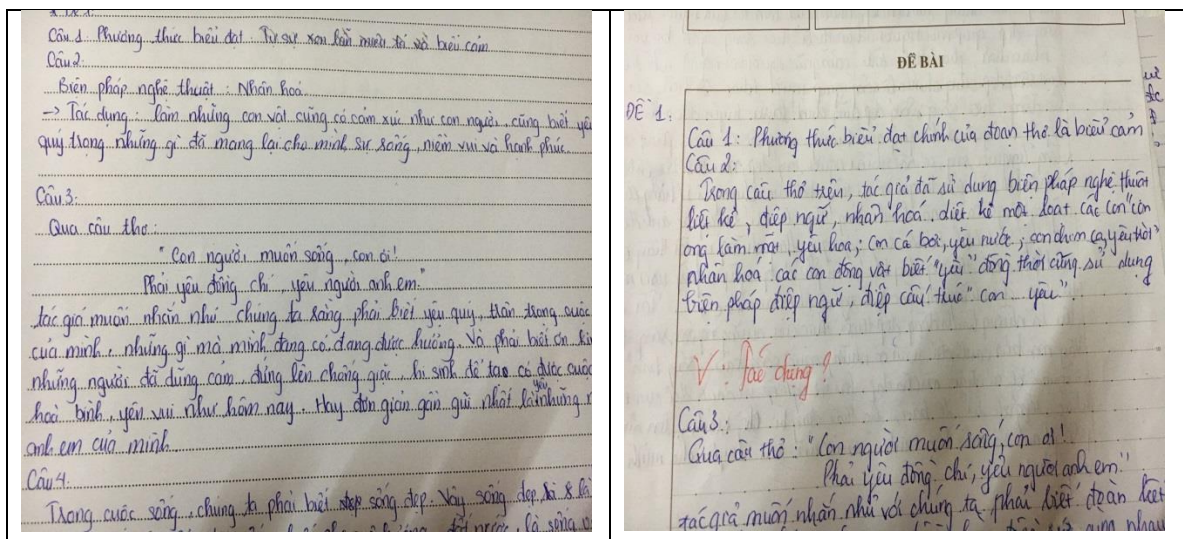
Lớp	Số số	Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu		Kém	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
9A	40	2	5,0	9	22,5	23	57,5	5	12,5	1	2,5
9C	35	1	3	5	14,0	19	54,3	8	22,8	2	5,7

Nhìn vào bảng kết quả ta thấy tỉ lệ học sinh đạt điểm giỏi rất ít, nhiều em làm được bài nhưng không lấy được điểm trọn vẹn do bài thiếu ý.

Nhiều em không biết cách làm bài do hồng kiến thức nền về từ và biện pháp tu từ, xác định thiếu, hoặc nếu xác định đúng được biện pháp tu từ đi chẳng nữa cũng mất điểm phần nêu tác dụng: Nhân mạnh sự gắn bó của sự vật với môi trường sống

Một số em cảm thụ thơ văn kém không đưa ra được thông điệp trong 2 câu thơ trên, đa số trả lời vòng vo chưa chạm tới đáp án biểu điểm của đề

Một số em kĩ năng viết văn nghị luận xã hội thiếu các bước, thiên về kể dẫn chứng, lập luận yếu.



**Một số hình ảnh bài làm của học sinh lớp 9C**

## **2. Giải pháp 2: Rèn kỹ năng phân tích cấu trúc, phạm vi, yêu cầu của đề**

### **2.2.1. Nội dung:**

#### **\* Cấu trúc của phần đọc hiểu**

Cấu trúc của dạng bài đọc hiểu gồm hai phần:

- Phần 1: Ngữ liệu mở trong hoặc ngoài chương trình và sách giáo khoa (đoạn văn, đoạn thơ, bài thơ ngắn, mẩu truyện...). Nhưng xu hướng sẽ là một văn bản mới hoàn toàn, không có trong chương trình và sách giáo khoa.

- Phần 2: Thực hiện trả lời yêu cầu 4 câu hỏi dựa trên chuẩn kiến thức và kỹ năng hiện hành, mức độ từ dễ đến khó.

#### **\* Phạm vi của phần đọc hiểu**

- Văn bản văn học: (Văn bản nghệ thuật)

+ Văn bản trong chương trình (Nghiêng nhiều về các đoạn ngữ liệu tiếng Việt và phần Tập làm văn)

+ Văn bản ngoài chương trình (Các văn bản cùng loại với các văn bản được học trong chương trình).

- Văn bản nhật dụng (Loại văn bản có nội dung gần gũi, bức thiết đối với cuộc sống trước mắt của con người và cộng đồng trong xã hội hiện đại như: Vấn đề chủ quyền biển đảo, thiên nhiên, môi trường, năng lượng, dân số, quyền trẻ em, ma túy,... Văn bản nhật dụng có thể dùng tất cả các thể loại cũng như các kiểu văn bản song có thể nghiêng nhiều về loại văn bản nghị luận và văn bản báo chí).

#### **\* Các xác định yêu cầu của đề**

- Đề có thể hỏi về phương thức biểu đạt, về phương tiện liên kết

- Về các biện pháp nghệ thuật, nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật đó

- Về việc giải thích từ ngữ, hiểu từ ngữ

- Những câu hỏi thiên về hiểu nội dung tư tưởng, những câu hỏi tại sao

- Câu hỏi viết đoạn rút ra từ ý nghĩa, nội dung tư tưởng của ngữ liệu.

### **2.2.2. Cách tiến hành**

- GV cho học sinh làm quen với các dạng đề này từ chương trình lớp 8

- Hướng dẫn học sinh nhận dạng cấu trúc và phạm vi của đề, yêu cầu của đề cụ thể thông qua các tiết ôn tập, các tiết tiếng Việt, luyện tập tiếng Việt

### **2.2.3. Kết quả**

- Sau vài tiết hướng dẫn học sinh làm quen với các đề ngoài văn bản, học sinh đã có khả năng phân tích đề, biết xác định những vấn đề chính trong câu hỏi, từ phạm vi yêu cầu của đề. Gặp một đề ngữ liệu ngoài chương trình các em không còn lo lắng và sợ như ý nghĩ ban đầu. Đây tạo tiền đề cho học sinh không có áp lực thi cử.

### **3. Giải pháp 3: Rèn kỹ năng phân tích, nhận định và trả lời các dạng câu hỏi phần đọc- hiểu**

**3.3.1. Nội dung:** Đa số thuộc kiểu câu hỏi trả lời ngắn. Dạng câu hỏi học sinh phải viết câu trả lời dựa trên yêu cầu của câu hỏi một cách ngắn gọn, chính xác. Nội dung các câu hỏi độc lập, câu trên không gợi ý cho câu dưới.

Trong quá trình giảng dạy và nghiên cứu đề thi tôi nhận thấy câu hỏi chủ yếu sử dụng trong đánh giá năng lực đọc hiểu của học sinh thường có hai kiểu câu hỏi:

#### **3.3.2. Các dạng:**

##### **a. Câu hỏi đóng- mở**

+ Câu hỏi đóng: là câu hỏi được giới hạn rõ có một đáp án, thể hiện cách hiểu chính xác về văn bản.

+ Câu hỏi mở: là câu hỏi có thể có nhiều phương án trả lời khác nhau, thể hiện quan điểm suy nghĩ riêng của học sinh. Câu hỏi có nội dung trả lời mở thường được đặt ở vị trí cuối cùng trong hệ thống câu hỏi của phần đánh giá năng lực đọc hiểu.

##### **b. Câu hỏi theo mức độ**

- Câu hỏi nhận biết thường đưa ra yêu cầu thí sinh chỉ ra các phương thức biểu đạt, các thể thơ, các biện pháp tu từ... trong văn bản.

- Câu hỏi thông hiểu thường yêu cầu thí sinh xác định nội dung chính của văn bản hay một câu, một đoạn trong văn bản. Hoặc yêu cầu nêu tác dụng của các phép tu từ hay việc sử dụng kết hợp các phương thức biểu đạt, sử dụng từ ngữ ... trong văn bản, câu hỏi bày tỏ quan điểm thái độ: Em hiểu như thế nào? Em đồng tình với câu nói...? Em suy nghĩ gì? Theo anh/ chị...vì sao?

- Câu hỏi vận dụng viết đoạn liên hệ một số vấn đề của đoạn ngữ liệu với cuộc sống.

#### **3.3.2. Cách tiến hành:**

- Giáo viên luôn phải định hướng câu hỏi cho học sinh trong mỗi đề khi luyện, ngay cả khi dạy những văn bản trong chương trình cũng luôn tích hợp với văn bản ngoài chương trình

- Là dạng câu hỏi học sinh phải viết câu trả lời dựa trên yêu cầu của câu hỏi một cách ngắn gọn, chính xác. Nội dung các câu hỏi độc lập, câu trên không gợi ý cho câu dưới. Nên khi đọc đề và làm đề giáo viên luôn định hướng cho học sinh trả lời đúng dạng câu hỏi, đảm bảo đúng, trúng và đủ

#### **3.3.3. Minh họa:**

**Ví dụ minh họa: Rèn các bước làm bài đọc hiểu ở câu hỏi nhận biết**

	<b>Dạng 1</b>	<b>Dạng 2</b>	<b>Dạng 3</b>
<b>Yêu cầu</b>	Nhận biết về phương thức biểu đạt	Nhận biết về thể thơ	Nhận biết về các biện pháp tu từ
<b>Lỗi</b>	- Học sinh chưa xác	- Nhận diện và gọi	- Học sinh thường xác định chưa chính



	định chính xác - Hoặc có xác định cũng không biết phương thức nào là chính phương thức nào là phụ	tên sai	xác - Hoặc còn nhầm lẫn biện pháp này với biện pháp kia
<b>Hướng dẫn</b>	- Cần nắm được khái niệm, đặc điểm và một số dấu hiệu đặc biệt của mỗi phương thức biểu đạt	- Cần đếm số tiếng gọi tên theo từ Hán Việt - Nếu đoạn thơ xen lẫn số tiếng- thể thơ tự do	- Nắm vững khái niệm, đặc điểm cơ bản của mỗi biện pháp

### Cụ thể dạy về PTBD:

Yêu cầu HS xác định chính xác phương thức biểu đạt, muốn vậy các em phải nắm vững kiến thức cơ bản về khái niệm, đặc điểm và một số dấu hiệu để nhận biết các phương thức biểu đạt.

+ **Tự sự:** Cách nhận biết phương thức tự sự: có cốt truyện, có nhân vật, có diễn biến sự việc, có những câu văn trần thuật. Tự sự thường được sử dụng trong truyện, tiểu thuyết, văn xuôi nói chung, đôi khi còn được dùng trong thơ (khi muốn kể sự việc)

+ **Miêu tả:** Dấu hiệu nhận biết phương thức miêu tả: Có các câu văn, câu thơ tái hiện lại hình dáng, diện mạo, màu sắc...của người và sự vật (tả người, tả cảnh, tả tình,...)

+ **Biểu cảm:** Dấu hiệu nhận biết phương thức biểu cảm: có các câu văn, câu thơ miêu tả cảm xúc, thái độ của người viết hoặc của nhân vật trữ tình.

+ **Thuyết minh:** Dấu hiệu nhận biết phương thức thuyết minh: có những câu văn chỉ ra đặc điểm riêng, nổi bật của đối tượng, người ta cung cấp kiến thức về đối tượng, nhằm mục đích làm người đọc hiểu rõ về đối tượng nào đó.

+ **Nghị luận:** Dấu hiệu nhận biết phương thức nghị luận: Có vấn đề bàn luận, có quan điểm của người viết. Nghị luận thường đi liền với thao tác phân tích, giải thích, chứng minh, bình luận.

### Ví dụ minh họa: Rèn các bước làm bài đọc hiểu ở câu hỏi thông hiểu

	<b>Dạng 1</b>	<b>Dạng 2</b>	<b>Dạng 3</b>	<b>Dạng 4</b>	<b>Dạng 5</b>
--	---------------	---------------	---------------	---------------	---------------

<b>Yêu cầu</b>	Xác định nội dung chính của đoạn văn	Nêu tác dụng của các BPTT được SD trong VB	Nêu ý nghĩa của một từ ngữ trong đoạn văn	Nêu ý nghĩa của một dấu hiệu nghệ thuật	
<b>HD trả lời</b>	-Đọc kĩ đề để tìm một câu chủ đề ( câu văn mở đầu hoặc kết thúc) -Dựa vào nhan đề -Xác định nội dung của từng đoạn và tổng hợp lại	-Xác định chính xác và gọi tên biện pháp tu từ đó -Nhớ lại kiến thức nền về biện pháp tu từ và cách khai thác giá trị tu từ + Giá trị gọi hình + Giá trị gọi cảm + Tình cảm của nhà văn	-Xác định từ ngữ đó -Xác định nghĩa thức, nghĩa ẩn, nghĩa hàm ẩn	-Xác định dấu hiệu nghệ thuật đặc biệt ( dấu ba chấm, dấu chấm than, dấu gạch nối,...) -Căn cứ vào tác dụng của các loại dấu, câu đặc biệt cùng với nội dung đoạn văn đưa ra ý nghĩa.	

### **Cụ thể minh họa dạy về biện pháp tu từ:**

- + Biện pháp tu từ là gì? Biện pháp tu từ là cách thức vận dụng các phương tiện tu từ ở tất cả các bậc ngữ âm, từ ngữ, cú pháp và các tín hiệu để tạo nên một nội dung bổ sung mới ngoài đặc điểm tu từ vốn có của nó. (PGS\_ TS Nguyễn Văn Nở)
- + Hiểu đơn giản nhất biện pháp tu từ là cách thức sử dụng các phương tiện ngôn ngữ nhằm đạt tới hiệu quả diễn đạt hay, đẹp, biểu cảm, hấp dẫn.
- + Tùy theo các phương tiện ngôn ngữ được kết hợp mà biện pháp tu từ chia ra: Biện pháp tu từ ngữ âm như điệp âm, điệp vần..... Biện pháp tu từ từ vựng ngữ nghĩa như so sánh, ẩn dụ, nói lái.....
- + Đặc điểm tu từ của các biện pháp tu từ Tiếng Việt được cấu tạo theo quan hệ liên tưởng. Ví dụ như đọc câu thơ có phép ẩn dụ, người tiếp cận phải dùng năng lực liên tưởng để qui chiếu giữa các yếu tố hiện diện trong câu thơ và hiện tượng tồn tại ngoài câu thơ. Như vậy thực chất của phép ẩn dụ chính là dùng tên gọi này để biểu hiện sự vật khác trên cơ chế tư duy và ngôn ngữ.
- + Đặc điểm chung của các biện pháp này là trong từng văn cảnh cụ thể, từ ngữ có hiện tượng chuyển đổi ý nghĩa lâm thời. tức là nghĩa của từ ngữ vốn biểu thị đối tượng này được tạm thời chuyển sang biểu thị đối tượng khác dựa

trên cơ sở của hai mối quan hệ liên tưởng: liên tưởng tương đồng và liên tưởng logic khách quan. Ví dụ như so sánh là đối chiếu sự vật này với sự vật khác dựa trên nét tương đồng. ẩn dụ là gọi tên sự vật này với sự vật khác dựa trên nét tương đồng, hoán dụ là gọi tên sự vật hiện tượng này với sự vật hiện tượng khác dựa trên nét gần gũi( logic khách quan). Từ B hiểu sang A

*Ví dụ cụ thể khi khai thác so sánh*

*Trẻ em như búp trên cành*

*Biết ăn ngủ, biết học hành là ngoan*

Giáo viên cho học sinh xác định cấu trúc.

*Trẻ em như búp trên cành*

VA TSS VB.

(?) Tại sao tác giả lại so sánh “Trẻ em” với “Búp trên cành”?

-> Trẻ em và búp trên cành cũng là các sự vật đang ở giai đoạn đầu tiên của quá trình phát triển, trẻ em thì đó là giai đoạn đầu tiên của con người, búp non là giai đoạn đầu tiên ở cây cối

-> Từ những đặc điểm về màu sắc, về trạng thái non tơ của “Búp trên cành” đã giúp người đọc liên tưởng tới đặc điểm tươi trẻ, tràn trề sức sống của trẻ em.

-> thái độ trân trọng nâng niu trẻ em, yêu mến coi trọng thế hệ măng non, đồng thời thể hiện cách giáo dục trẻ em

### **Cụ thể khi dạy về dấu câu và ý nghĩa đặc biệt của dấu câu**

+ Dấu câu là một phương tiện ngữ pháp dung trong chữ viết. Tác dụng của nó là làm rõ trên mặt chữ viết một cấu tạo ngữ pháp, bằng cách chỉ ranh giới giữa các câu, giữa các thành phần của câu, giữa các vế của câu ghép. Nói chung nó thể hiện ngữ điệu trên câu văn, câu thơ. Cho nên, có trường hợp nó không phải chỉ là phương tiện ngữ pháp mà còn là phương tiện biểu thị sắc thái tế nhị về nghĩa của câu, về tư tưởng, về cả tình cảm, thái độ của người viết. Dấu câu dung thích hợp thì bài viết được người đọc hiểu rõ hơn, nhanh hơn. Không dùng dấu câu có thể gây hiểu lầm, mà dùng sai có thể gây hiểu sai cả ý nghĩa của câu

+ Khi dạy về dấu câu giáo viên cần cho học sinh nắm chắc các loại dấu, công dụng và chức năng của nó, thì khi vào đề thi học sinh có khả năng phân tích tác dụng của dấu câu trong đoạn văn tốt hơn

Ví dụ cụ thể: Trong bài *Mây và sóng* (Targo), trước lời mời của những người trên mây và những người trong sóng, em bé đều trả lời:

- “Mẹ mình đang đợi ở nhà”-“Làm sao có thể rời mẹ mà đến được?”

- “Buổi chiều mẹ luôn muốn mình ở nhà, làm sao có thể rời mẹ mà đi được?”

? Nếu coi dấu câu cũng là một dấu hiệu nghệ thuật trong tác phẩm thì theo em giá trị nghệ thuật của dấu chấm hỏi trong đoạn ngữ liệu trên là gì?

Giáo viên hướng dẫn học sinh trả lời:

- Em bé hỏi có cần người trên mây và người trong sóng trả lời không? – Học sinh sẽ trả lời không

- Vậy thì để làm gì? – Để thể hiện tình cảm của mình với mẹ

Từ đó giáo viên định hướng đến giá trị nghệ thuật của dấu chấm hỏi trong phần ngữ liệu đã cho:

- Hỏi nhưng để khẳng định và bộc lộ cảm xúc (Câu hỏi tu từ).

- Qua đó thể hiện tình yêu thương mẹ, thấu hiểu mẹ và luôn muốn ở bên mẹ của em bé

<b>Dạng 5</b>			
<b>Yêu cầu</b>	Trả lời những câu hỏi “Em hiểu như thế nào..... ?”	Trả lời những câu hỏi “Em đồng tình hay không đồng tình..... ?”	Trả lời những câu hỏi “Vì sao..... ?”
<b>Lỗi mắc</b>	- Học sinh không hiểu nghĩa - Học sinh không nắm được các bước để trả lời câu hỏi.	- HS ngại đưa ra quan điểm của mình về vấn đề. - Hs chưa biết cách lí giải cho ý kiến của mình	HS không lập luận và giải thích được Không bao quát được vấn đề, chưa có kĩ năng lập luận đưa ý kiến cá nhân
<b>Hướng trả lời</b>	- Cần cắt nghĩa được từ ngữ đó- dựa vào văn cảnh, dựa vào việc giải thích nghĩa từ, nội dung chính của văn bản - Đưa ra ý nghĩa của vấn đề	- Khẳng định đồng tình hay không đồng tình - Giải thích rõ lí do để thể hiện quan điểm của mình	- Yêu cầu học sinh phải lập luận và giải thích, phân tích rõ mặt phải -trái tốt xấu của vấn đề (cá nhân, gia đình, xã hội)

**Ví dụ như đề sau: Theo Báo Tiền phong số ra ngày 27/10/2020 có đoạn:**

“Tối ngày 25/10, VTV1 đã công chiếu chương trình đặc biệt “Mưa lũ lịch sử miền Trung” trong 80 phút, chương trình đã phản ánh chân thực nhất sự khốc

liệt của thiên tai, những mất mát đau thương không thể bù đắp được, và cả những hình ảnh đẹp nhất về tình người tình nghĩa đồng bào của nhân dân cả nước với khúc ruột miền Trung trong cơn mưa bão lịch sử. Lên sóng trực tiếp BTV Tuấn Dương- Mc của chương trình nói: “Chỉ có những ai ở vùng lũ, trải qua mưa lũ và hậu quả của nó mới thực sự ...”. Đến đây anh ngừng lại một hồi, nghẹn cúi mặt nuốt nước mắt: “Xin lỗi quý vị...”. Khoảnh khắc xúc động này chia sẻ lên nhiều trang tin, diễn đàn mạng thu hút sự quan tâm từ công chúng.”

**? Theo em, vì sao BTV Tuấn Dương lại “ ngừng lại một hồi, nghẹn cúi mặt nuốt nước mắt” ?**

Giáo viên định hướng học sinh trả lời

- Vấn đề mà chương trình đề cập đến là vấn đề gì? (Mưa lũ miền Trung)

- Hành động trạng thái của anh “*ngừng lại một hồi, nghẹn cúi mặt nuốt nước mắt*” biểu hiện anh là người như thế nào? (Nỗi xúc động không kìm nén, nó thổn thức, tuôn trào tự nhiên- biểu hiện tình người, tình đồng bào thiêng liêng cao cả)

**Minh họa về dạy kĩ năng viết bài nghị luận xã hội rút ra qua đoạn ngữ liệu ngoài văn bản**

- Nhiều học sinh cứ ngỡ những vấn đề rút ra qua văn bản ngoài chương trình là khó là không viết được nhưng trên thực tế ngữ kiểu nào đi chăng nữa cũng bàn về vấn đề thực tế thiết thực và gần gũi với các em có thể là những sự việc, hiện tượng đời sống có tính thời sự (vứt rác bừa bãi, nghiện game...) hoặc một số vấn đề tư tưởng, đạo lý (lòng yêu nước, truyền thống uống nước nhớ nguồn, tình bạn, đức tính trung thực...). Từ đó quy định thành hai dạng bài tập nghị luận xã hội cơ bản:

+ *Nghị luận về một sự việc, hiện tượng, đời sống.*

+ *Nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lý.*

Tuy nhiên, hai dạng bài này cũng có sự khác nhau cả về đối tượng nghị luận (nội dung) và cách thức bình luận (phương pháp).

	<b><i>Nghị luận về một sự vật hiện tượng</i></b>	<b><i>Nghị luận về một tư tưởng đạo lý</i></b>
<b><i>Nội dung (đối tượng)</i></b>	- Lấy sự việc hiện tượng trong đời sống làm đối tượng. Từ sự việc hiện tượng cụ thể ấy mà bàn luận, đánh giá, nâng lên thành vấn đề tư tưởng, đạo lý	- Lấy tư tưởng, đạo lý làm đối tượng chính. Từ một vấn đề tư tưởng đạo lý mà bàn luận, đánh giá, suy nghĩ về cuộc sống xã hội thực tế
	- Giới thiệu về sự việc hiện tượng. - Phân tích biểu hiện, nguyên nhân, bàn luận phải trái,	- Giới thiệu về tư tưởng, đạo lý - Giải thích tư tưởng, đạo lý (bám sát từ ngữ, hình ảnh...)

<b>Phương pháp (Cách thức bàn luận)</b>	đúng sai. - Rút ra bài học nhận thức, hành động.  - Đánh giá khái quát về sự việc, hiện tượng.	- Bàn luận, đánh giá, liên hệ tư tưởng, đạo lý ấy trong cuộc sống. - Rút ra bài học nhận thức, tình cảm, hành động. - Đánh giá khái quát về tư tưởng, đạo lý.
---	---	---

Trong hai kiểu bài nghị luận xã hội nói trên có thể nói kiểu bài nghị luận về một tư tưởng đạo lý có vai trò vô cùng quan trọng trong việc tác động, bồi đắp hình thành nhân cách cho học sinh. Nhất là trong tình hình thực tế ngày nay, khi mà học sinh ngày càng xa lạ, thậm chí là quay lưng, thờ ơ với những vấn đề thuộc về truyền thống văn hóa, đạo đức dân tộc; Cách học của học sinh nặng về lý thuyết mà xa rời thực hành, thiếu kỹ năng sống và ứng xử cần thiết thì các tác phẩm văn học truyền tải những thông điệp, bài học về một tư tưởng đạo lý nào đó có ý nghĩa vô cùng quan trọng và thiết thực. Đặc biệt kiểu bài nghị luận về một tư tưởng đạo lý rút ra từ một tác phẩm văn học là một trong những cách giúp học sinh tiếp cận những vấn đề thiết thực nêu trên.

Thực ra dạy kiểu bài này học sinh có rất nhiều vướng mắc, mỗi em vướng mỗi kiểu, có những học sinh yếu trong khâu dẫn chứng đưa dẫn chứng như kể, có những yếu khâu lập luận rời rạc và không mạch lạc...giáo viên cần định hướng cụ thể cho các em

### 3.3.4. Kết quả:

- Học sinh làm quen nhiều với dạng câu hỏi này đã có thể:

+ Phân loại được các dạng câu hỏi

+ Đọc câu hỏi đưa về dạng quen thuộc dung kỹ năng để trả lời

Câu hỏi nhận biết đã biết cách trả lời đúng trúng và đủ

Câu hỏi cần học sinh bày tỏ suy nghĩ, những quan điểm sống thì trình bày một cách rõ ràng, cần trả lời theo hướng tích cực và có quan điểm riêng

Qua nhiều lần làm bài học sinh có thể tránh được những lỗi sai có thể bị trừ điểm, ít nhất các em cũng có 2/3 trên tổng số điểm của câu đó, những câu dạng đọc hiểu ăn điểm tối đa.

## 4. Giải pháp 4: Rèn học sinh các bước làm bài.

### 3.4.1. Nội dung

Khi nhận một đề thi học sinh cần có định hướng chung các bước làm bài, khi xác định đúng được các bước làm bài các em sẽ đi đúng trọng tâm câu hỏi mà đề đưa ra, làm bài điểm cao, không tốn công tốn sức

**3.4.2. Cách tiến hành:** Hướng dẫn học sinh theo từng bước sau

Bước 1: Đọc kỹ văn bản và hệ thống câu hỏi cuối mỗi văn bản

Bước 2: Gạch chân những từ khóa, những câu văn, những thông tin quan trọng liên quan đến những câu hỏi cuối văn bản

Bước 3: Huy động kiến thức nền, kết hợp với những nội dung thông tin trong văn bản, dự kiến trả lời câu hỏi

Bước 4: Trong mỗi câu hỏi cần xác định rõ và tự trả lời nhanh những câu hỏi sau: Mục đích của câu hỏi? Nội dung câu hỏi đề cập những kiến thức cơ bản nào? Cần trả lời như nào cho phù hợp?

Bước 5: Bám sát vào nội dung, yêu cầu câu hỏi để trả lời ngắn gọn đúng trúng và đủ, tránh lối viết chung chung không rõ ý

Bước 6: Kiểm tra và sửa chữa- nếu có

### 3.4.3. Minh họa

Minh họa về cách hướng dẫn học sinh một đề cụ thể với các dạng câu hỏi trên.

Đề bài: Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

*Người có tính khiêm tốn thường hay tự cho mình là kém, còn phải phấn đấu thêm, trau dồi thêm, cần được trao đổi, học hỏi nhiều thêm nữa. Người có tính khiêm tốn không bao giờ chịu chấp nhận sự thành công của cá nhân mình trong hoàn cảnh hiện tại, lúc nào cũng cho sự thành công của mình là tầm thường, không đáng kể, luôn luôn tìm cách để học hỏi thêm nữa.*

*Tại sao con người lại phải khiêm tốn như thế? Đó là vì cuộc đời là một cuộc đấu tranh bất tận, mà tài nghệ của mỗi cá nhân tuy là quan trọng, nhưng thật ra chỉ là những giọt nước bé nhỏ giữa đại dương bao la. Sự hiểu biết của mỗi cá nhân không thể đem so sánh với mọi người cùng chung sống với mình. Vì thế, dù tài năng đến đâu cũng luôn luôn phải học thêm, học mãi mãi.*

*Tóm lại, con người khiêm tốn là con người hoàn toàn biết mình, hiểu người, không tự mình đề cao vai trò, ca tụng chiến công của cá nhân mình cũng như không bao giờ chấp nhận một ý thức chịu thua mang nhiều mặc cảm tự ti đối với mọi người.*

*Khiêm tốn là một điều không thể thiếu cho những ai muốn thành công trên đường đời.*

(Trích *Tinh hoa xử thế*, Lâm Ngữ Đường, Ngữ văn 7, tập 2, NXB Giáo dục, 2015, tr.70 – 71)

**Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên?

**Câu 2.** Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp liệt kê được sử dụng trong đoạn văn thứ nhất?

**Câu 3.** Em hiểu như thế nào về câu nói sau: “*Tài nghệ của mỗi cá nhân tuy là quan trọng, nhưng thật ra chỉ là những giọt nước nhỏ giữa đại dương bao la*”.

*Hướng dẫn học sinh trả lời*

*Bước 1- Yêu cầu học sinh đọc kĩ đề và đọc kĩ cả câu hỏi*

*Bước 2- Gạch chân những từ khóa*

*Bước 3- Huy động kiến thức nền về PTBD và biện pháp liệt kê*

*Bước 4,5,6- HD trả lời*

*Câu a: GV dựa vào khá nệm và đặc trưng của các PTBD để hỏi học sinh- tốt nhất là dùng phương pháp loại trừ hoặc đặt các câu hỏi và tự trả lời*

*? Em có thấy kể về sự việc gì không? Hình dung ra cảnh gì không? Đối tượng nào được nhắc đến? Đoạn văn bàn bạc vấn đề gì?*

- PTBD chính của đoạn trích: Nghị luận

*Câu b: Học sinh biết chỉ rõ dựa trên khái niệm: Sắp xếp một loạt những từ hoặc cụm từ cùng loại*

*Nêu tác dụng: Dựa và tác dụng của liệt kê cùng với nội dung lòng khiêm tốn HS sẽ trả lời được*

- Biện pháp liệt kê: Liệt kê các biểu hiện của khiêm tốn: *tự cho mình là kém, phải phấn đấu thêm, trau dồi thêm, học hỏi thêm...*

- Tác dụng của biện pháp liệt kê: diễn tả được đầy đủ hơn, sâu sắc hơn những biểu hiện của lòng khiêm tốn

*Lưu ý: Học sinh sẽ trả lời được biện pháp liệt kê nhưng lại rất hay nhầm chép cả câu có biện pháp này*

*Câu c: Câu hỏi thế nào là mang tính giải thích (thường giải thích nghĩa đen nhưng ngầm chỉ nghĩa ẩn)*

*+ Tài nghệ của mỗi người là như nào? Tại sao lại là một giọt nước? Đại dương mênh mông là như nào? ẩn ý điều gì?*

*Lưu ý: Với câu hỏi này HS thường chỉ dừng lại ở việc giải thích chứ không nói được ẩn ý trong câu nói*

### **3.4.4. Kết quả**

- Học sinh đã thông thạo các bước làm bài biết đọc kĩ đề, gạch chân những từ khóa, phân loại các dạng câu hỏi và tiến hành đúng thao tác làm bài

- Không bị trừ điểm nhiều về các lỗi cơ bản

## **5. Giải pháp 5: Tăng cường việc kiểm tra chấm chữa bài cho học sinh**

**3.5.1. Nội dung:** Việc kiểm tra, chấm chữa bài cho học sinh là vô cùng cần thiết. Nó giúp người giáo viên có hướng nhìn ra điểm mạnh điểm yếu của học sinh để có biện pháp khắc phục.

### **3.5.2. Cách tiến hành**

Cách 1: Giáo viên kiểm tra trực tiếp học sinh bằng cách phát vấn trực tiếp, đối thoại cùng học sinh, có thể kiểm tra viết bằng những bài 15 phút

Cụ thể áp dụng- câu hỏi nhận biết



Cách 2: Giáo viên dùng các kỹ thuật dạy học: thảo luận nhóm, khăn trải bàn

- Về nội dung kiểm tra này, tăng cường kiểm tra những nội dung mà hs cần phải lập luận, cần phải tư duy, cần tranh luận phản bác đưa ra ý kiến cá nhân, thống nhất ý kiến chung. Giáo viên cho các nhóm trình bày và định hướng.

Cụ thể áp dụng là câu hỏi thông hiểu

Cách 3: Cho học sinh viết bài viết đoạn trực tiếp trên lớp sau khi thảo luận nhóm những ý chính. Cho học sinh chấm chéo bài nhau. Nhìn cái đúng cái hay của nhau học tập, nhìn cái sai của nhau rút kinh nghiệm

Cụ thể tôi thường áp dụng là câu hỏi vận dụng

### 3.5.3. Kết quả

- Học sinh biết xác định trọng tâm của đề
- Biết đánh giá đúng sai bài của bạn
- Nhuận nhuyển hơn trong các câu trả lời để không bị mất điểm
- Rèn các kỹ năng giao lưu, hợp tác, đánh giá, trình bày trong giao tiếp



## IV. Kết quả thực hiện sáng kiến kinh nghiệm

Trong thời gian nghiên cứu, thực hiện đề tài tôi nhận thấy những dạng bài đọc hiểu văn bản các em đã biết cách làm bài, các em không còn lúng túng trước những dạng bài tập này như trước đây. Nhiều học sinh còn tỏ ra rất hứng thú vì với kiểu bài này. Các em thức sự phát huy được hết tính tích cực, chủ động, sáng tạo của mình trong việc chiếm lĩnh tác phẩm ngoài chương trình và giải quyết một vấn đề xã hội có liên quan.

Song có một kết quả khác mà tôi nghĩ là quan trọng hơn cả đối với người giáo viên dạy văn như chúng tôi, đó là *học sinh cảm thấy yêu môn học hơn, có năng lực khám phá, cảm thụ cái hay, cái đẹp, cái thực của tác phẩm ngoài chương trình, của một mẫu tin tức, em đã biết đã lĩnh hội được những thông điệp, biết bày tỏ tình cảm, thái độ của mình trước một vấn đề cuộc sống, vấn đề đặt ra trong tác phẩm*. Tôi thực sự vui mừng khi nhận thấy, qua các tác phẩm, các em đã biết coi trọng môn này hơn, khai thác nó như một môn khoa học và cảm thấy nó cũng có ích và dễ dàng tiếp nhận.

Cụ thể qua một thời gian tìm tòi áp dụng sáng kiến vào công việc giảng dạy, tôi nhận thấy học sinh đã luôn hào hứng tham gia học tập và kết quả học tập ngày một nâng cao.

### **Kết quả đạt được về chất lượng môn học – KQ điểm thi vào 10**

Năm học	Lớp	Số số	Giỏi		Khá		TB		Yếu	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
2019 - 2020	9A	40	10	25	20	50	10	25	0	0
	9C	32	9	28,6	17	48,62	6	18,75	1	2,86

## **PHẦN C**

### **KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ.**

#### **I. Kết luận :**

Qua tìm tòi, nghiên cứu và áp dụng, rút kinh nghiệm sáng kiến này, tôi nhận thấy rằng:

- Người giáo viên cần xác định rõ quan điểm giảng dạy và ôn tập phải lấy học sinh làm trung tâm, phát huy hết khả năng sáng tạo, tích cực, chủ động của học sinh, tránh cách dạy và ôn tập một cách thụ động. Người giáo viên không chỉ là người truyền thụ kiến thức mà còn biết khơi gợi cảm xúc của học sinh đối với tiết học.
- Bản thân giáo viên cũng phải luôn luôn có ý thức bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, luôn tìm tòi, sáng tạo ra các phương pháp giảng dạy và ôn tập phù hợp, hiệu quả.
- Đặc biệt đối với các kiểu bài tập mới mẻ và có ý nghĩa thực tế lớn cần giúp học sinh hình thành kỹ năng, phương pháp làm bài khoa học và hiệu quả, tránh kiểu ôn tập nhồi nhét kiến thức. Bên cạnh đó phải kết hợp rèn luyện về thái độ hành động của học sinh phù hợp với bài học nhận thức mà tác phẩm đem lại.
- Xác định và chuẩn bị chu đáo các đồ dùng, phương tiện dạy học phù hợp từ đơn giản ( tranh ảnh, thơ ca , câu chuyện có liên quan...) đến các máy móc hiện đại ( máy chiếu , máy projecto...).
- Giáo viên cũng luôn có ý thức rèn luyện phong cách thân thiện, gần gũi và bình đẳng với học sinh để tạo bầu không khí dạy và học thật nhẹ nhàng.

Việc đi sâu tìm tòi và áp dụng các biện pháp nhằm từng bước nâng cao chất lượng giảng dạy và tạo được niềm hứng thú, say mê học tập cho học sinh (nhất là trong các giờ ôn tập thi vào lớp 10 THPT) không phải điều dễ dàng làm được trong một sớm một chiều. Nhưng qua thực tế áp dụng sáng kiến kinh nghiệm trên, tôi đã phần nào thực hiện được niềm mong mỏi ấy. Tôi cũng luôn luôn tin tưởng rằng: khi người giáo viên thực sự yêu nghề, yêu trò và tâm huyết với công tác giáo dục cùng với sự phấn đấu không ngừng nghỉ

để nâng cao chất lượng chuyên môn, nghiệp vụ, người giáo viên ấy nhất định sẽ thành công.

Và trong 3 năm giảng dạy bộ môn Văn 9- đối tượng là lớp thường 9A, 9C tôi áp dụng phương pháp này, tôi nhận thấy có tạo ra hứng thú ôn tập cho học sinh. Con số chưa phải là tất cả nhưng cứ thấy các em thích thú với môn học, với việc ôn tập là động lực để tôi trau dồi, rèn luyện phương pháp dạy học.

+ 6 % các em nhận thấy rằng em không thích

+ 40 % các em cảm thấy giờ học ở lớp như này là bình thường

+ 54 % các em nhận thấy rằng em thích vì nó không áp lực

Biểu hiện hành vi của học sinh đối với môn học

STT	Các hoạt động	Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Không có	
		Số lượng học sinh	Tỷ lệ %	Số lượng học sinh	Tỷ lệ %	Số lượng học sinh	Tỷ lệ %
1	Phát biểu. nêu thắc mắc	18	46%	15	38%	6	16%
2	Học bài và làm bài đầy đủ	24	62%	10	26%	5	12%
3	Hứng thú học	31	79%	8	21%	0	

Trong khuôn khổ có hạn của một sáng kiến kinh nghiệm cũng như hạn chế về tuổi đời, tuổi nghề, tôi chỉ xin mạnh dạn trình bày một số ý kiến như trên. Rất mong nhận được sự đóng góp, chia sẻ của các bạn đồng nghiệp và các cấp quản lý để chất lượng của sáng kiến nói riêng và chất lượng giảng dạy môn Ngữ Văn 9 nói chung của chúng tôi ngày càng tốt hơn. Tôi xin chân thành cảm ơn!

## II. Khuyến nghị:

Qua nhiều năm tìm tòi, áp dụng vào công việc giảng dạy, với kinh nghiệm còn rất khiêm tốn của bản thân, tôi xin mạnh dạn khuyến nghị:

### - Với tổ nhóm chuyên môn:

+ Thường xuyên dự giờ, rút kinh nghiệm, thực hiện các chuyên đề cấp huyện, cấp trường ở các khối lớp để ngày một hoàn thiện công tác giảng dạy môn Ngữ văn.

+ Trao đổi thường xuyên các bài tập luyện tập cảm thụ giữa các lớp trong trường một cách thường xuyên, có hiệu quả.

+ Tổ Văn- Sử- GDCD nói chung, nhóm Ngữ văn nói riêng thường xuyên xây dựng và triển khai hoạt động chuyên đề, thảo luận nhóm để cùng nhau tìm ra giải pháp nâng cao năng lực chuyên môn.

**- Với Ban giám hiệu trường:**

Mua sắm đầy đủ trang thiết bị, phương tiện dạy học, mua thêm tranh ảnh, sách tham khảo phục vụ môn Ngữ văn (đặc biệt là xây dựng và phát triển tủ sách Văn học).

Quá trình thực hiện đề tài không đơn thuần chỉ là gây hứng thú học tập bộ môn Ngữ văn, đó là quá trình rèn luyện cho các em kỹ năng, kiến thức và bồi đắp các đức tính tốt đẹp, những tình cảm cao quý cần có ở mỗi học sinh trong hiện tại và tương lai. Dù sau này bước vào đời, các em có thể tham gia mọi ngành nghề phục vụ xã hội, môn Ngữ văn luôn luôn là phương tiện, là người bạn tốt trên mỗi chặng đường đời, giúp các em sống tốt hơn, đẹp hơn, có ý nghĩa hơn.

Tất nhiên đây chỉ là những việc làm mang tính chất cá nhân, do đó sẽ còn những hạn chế nhất định. Tôi rất mong được sự đóng góp ý kiến của các bạn đồng nghiệp và các cấp quản lý để quá trình giảng dạy của cá nhân và sự nghiệp “trồng người” nói chung có được những kết quả tốt đẹp.

Tôi cũng hy vọng rằng, đề tài này là một tài liệu tham khảo có ích cho mục tiêu đổi mới phương pháp dạy và học Ngữ văn ở bậc Trung học cơ sở.

Tôi xin trân trọng cảm ơn!

*Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2021*

**XÁC NHẬN CỦA HIỆU TRƯỞNG**

Tôi xin cam đoan đây là SKKN của mình viết, không sao chép nội dung của người khác.

**Người viết**

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Sách giáo khoa Ngữ văn 9 (tập 1) - Nhiều tác giả- NXB Giáo dục năm 2000.
2. Sách giáo viên Ngữ văn 9 (tập 1) - Nhiều tác giả- NXB Giáo dục năm 2009.
3. Kiến thức trọng tâm- Ôn thi vào 10- Thầy Nguyễn Lương Hùng- NXB Dân trí
4. Lí luận văn học- Trần Đình Sử (Chủ biên)- NXB Giáo dục
5. N.G Marôva, *Nói chuyện với các giáo viên về hứng thú nhận thức*
6. Từ loại tiếng Việt hiện đại- Lê Biên- Nhà xuất bản Giáo dục 1998
7. Dạy và học tích cực một số phương pháp và kĩ thuật dạy học- Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
8. Các tài liệu trên mạng Internet liên quan đến sáng kiến

